



ELEVATION GUIDE BOUNDARIES ADJOINING SHEETS
 GUIDE D'ÉLÉVATION FRONTIÈRES FEUILLES ADJACENTES
 CHỈ DẪN CAO ĐỘ NHỮNG ĐỊA GIỚI BẢNG RÁP ĐỊA ĐỒ

CONTINUOUS INTERVIEWS WITH SUPPLEMENTARY COURTESY - 101 TERS		EQUIDISTANCE COURTESY - 20 METERS	
RELIEF PARTIALLY SHOWN BY FORM LINES		RELIEF PARTIELLEMENT REPRÉSENTÉ PAR LES LIGNES CARACTÉRISTIQUES	
SPHEROID.....	EVEREST	ELLIPSOID.....	EVEREST
GRID..... 1,000 METERS UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)		QUADRILLE..... KILOMÈTRES UTM: FUSEAU 48 (LES LIGNES CHIFFRÉES EN NOIR)	
PROJECTION.....	TRANSVERSE MERCATOR	PROJECTION.....	TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM.....	APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL	HAUTEUR.....	NEVEAU MOYEN APPROXIMATIF DU NIVEAU MÉRIDIEN
HORIZONTAL DATUM.....	INDIAN DATUM 1960	REPERE.....	LE RESEAU GEODESIQUE DE REFERENCE..... LE RESEAU GEODESIQUE DE L'ETAT 1960
KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MET			
CÁC TỌA ĐỘ CAO ĐỘ PHỤ THUỘC 10 MÉT		CÁC TỌA ĐỘ CAO ĐỘ PHỤ THUỘC 20 MÉT	
MỘT PHẠM VI 1.000 MÉT TRÊN BẢNG CÁC ĐƯỜNG		MỘT PHẠM VI 2.000 MÉT TRÊN BẢNG CÁC ĐƯỜNG	
BIỂU DIỄN HÌNH THỨC		BIỂU DIỄN HÌNH THỨC	
KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MET	EVEREST	TO CONVERT A	EVEREST
0 VÒNG.....	UTM TÊN 1,000 MÉT, KHU HÌNH TRƯỞNG 48 (NHỮNG ĐƯỜNG CỎ CHỈ SỐ 500)	MAGNETIC AZIMUTH	UTM TÊN 2,000 MÉT, KHU HÌNH TRƯỞNG 48 (NHỮNG ĐƯỜNG ĐỎ CHỈ SỐ 1.000)
HỆ THỐNG CHỈ DẪN	0, 1 M	TO A GRID AZIMUTH	0, 2 M
HỆ THỐNG CHỈ DẪN	NẮT BIỂU TRUNG HÌNH PHONG CHUNG	L'AZIMUTH MAGNÉTIQUE	NẮT BIỂU TRUNG HÌNH PHONG CHUNG
HỆ THỐNG CHỈ DẪN CHUẨN	TRƯỜNG TRẮC CƯỜNG 1960 (J60)	EN AZIMUTH DU QUADRILLE	TRƯỜNG TRẮC CƯỜNG 1960 (J60)
CREDITS		MƯỜN ĐÔI	
PREPARED BY.....	AMS (L), U.S. ARMY, 1965	PHƯƠNG-GIÁC TỬ THÀNH	1965
CONTROL BY.....	SERVICE GÉOGRAPHIQUE DE L'INDOCHINE	PHƯƠNG-GIÁC 0 VÒNG	G-M ANGLE OF 0-90
GLOSSARY — GLOSSAIRE — CỜ TỬ		TỬ GÓC V-T	GÓC V-T
		TO CONVERT A	00 MILLS MIL/1
		GRID AZIMUTH TO A	
		MAGNETIC AZIMUTH	
		200 G-M ANGLE	
		POUR CONVERTIR	GRID CONVERSION
		L'AZIMUTH DU QUADRILLE	FOR CENTER OF SHEET
		EN AZIMUTH MAGNÉTIQUE	CONVERSION DU QUADRILLE
		ADOUTER L'ANGLE G-M	POUR LE CENTRE DE LA FEUILLE
		MƯỜN ĐÔI	PHẠM VI ĐƯỜNG CỎ 1.000 MÉT
		PHƯƠNG-GIÁC 0 VÒNG TRẮNG	0-90 (4 CỎ KI-LÔ-MÉT MỖI)
		PHƯƠNG-GIÁC TỬ	
		CÔNG TRÊN GÓC V-T	

ELEVATION GUIDE

GUIDE D'ÉLEVATION

CHỈ DẪN CAO ĐỘ

BOUNDARIES

LIÈVRES

NHỮNG ĐA GIỚI

ADJOINING SHEETS

FEUILLES ADJACENTES

HẸNG BÊN ĐẠO BÊN

Sheet 5852 IV falls within
NF 40 IV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 III falls within
NF 40 III, 1395, 1250/800

Sheet 5852 II falls within
NF 40 II, 1395, 1250/800

Sheet 5852 I falls within
NF 40 I, 1395, 1250/800

Sheet 5852 V falls within
NF 40 V, 1395, 1250/800

Sheet 5852 VI falls within
NF 40 VI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 VII falls within
NF 40 VII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 VIII falls within
NF 40 VIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 IX falls within
NF 40 IX, 1395, 1250/800

Sheet 5852 X falls within
NF 40 X, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XI falls within
NF 40 XI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XII falls within
NF 40 XII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XIII falls within
NF 40 XIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XIV falls within
NF 40 XIV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XV falls within
NF 40 XV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XVI falls within
NF 40 XVI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XVII falls within
NF 40 XVII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XVIII falls within
NF 40 XVIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XIX falls within
NF 40 XIX, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XX falls within
NF 40 XX, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXI falls within
NF 40 XXI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXII falls within
NF 40 XXII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXIII falls within
NF 40 XXIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXIV falls within
NF 40 XXIV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXV falls within
NF 40 XXV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXVI falls within
NF 40 XXVI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXVII falls within
NF 40 XXVII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXVIII falls within
NF 40 XXVIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXIX falls within
NF 40 XXIX, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXX falls within
NF 40 XXX, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXI falls within
NF 40 XXXI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXII falls within
NF 40 XXXII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXIII falls within
NF 40 XXXIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXIV falls within
NF 40 XXXIV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXV falls within
NF 40 XXXV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXVI falls within
NF 40 XXXVI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXVII falls within
NF 40 XXXVII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXVIII falls within
NF 40 XXXVIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XXXIX falls within
NF 40 XXXIX, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XL falls within
NF 40 XL, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLI falls within
NF 40 XLI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLII falls within
NF 40 XLII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLIII falls within
NF 40 XLIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLIV falls within
NF 40 XLIV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLV falls within
NF 40 XLV, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLVI falls within
NF 40 XLVI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLVII falls within
NF 40 XLVII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLVIII falls within
NF 40 XLVIII, 1395, 1250/800

Sheet 5852 XLIX falls within
NF 40 XLIX, 1395, 1250/800

Sheet 5852 L falls within
NF 40 L, 1395, 1250/800

Sheet 5852 LI falls within
NF 40 LI, 1395, 1250/800

Sheet 5852 LII falls within
NF 40 LII, 1395, 1